

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

-----o0o-----

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2009**

TIỀN GIANG – THÁNG 03 NĂM 2010

MỤC LỤC

	Trang
I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY	1
II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	1
II. 1. Những sự kiện quan trọng:	1
II. 2. Quá trình phát triển	2
II. 3. Định hướng phát triển	3
III. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	3
III. 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua	3
III. 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch	3
III. 3. Kế hoạch trong tương lai	4
III. 4. Báo cáo tình hình tài chính	5
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	6
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	7
VII. 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty	7
VII. 2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý	8
VII. 3. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành	8
VII. 4. Quyền lợi của Ban Giám đốc	18
VII. 5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	18
VII. 6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.	19
VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty.	19
VIII. 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:	19
VIII. 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn	19
Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009	21-43
Phụ lục báo cáo tài chính công ty mẹ trước hợp nhất năm 2009	44-57
Phụ lục báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2009	58-59

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm báo cáo 2009

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên gọi: Công ty cổ phần Gò Đàng
Tên giao dịch quốc tế: Godaco seafood joint stock company
Tên viết tắt: GODACO_SEAFOOD
Trụ sở chính: Lô 45 Khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 0733.854526
Fax: 0733.854528
Email: godaco@hcm.vnn.vn
Website: www.godaco-seafood.com.vn
Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
Giấy CNĐKKD: 5303000064 đăng ký lần đầu ngày 11/05/2007 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Ngành nghề kinh doanh:	Tên ngành	Mã ngành
	Thu mua thủy sản	46322
	Chế biến thủy sản	1021
	Nuôi trồng thủy sản	03222
	Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi	-
	Đầu tư tài chính	64990
	Mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản	68100

Lo go:



II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

II. 1. Những sự kiện quan trọng:

Việc thành lập: Công ty Cổ phần Gò Đàng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000064 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty Cổ phần Gò Đàng hình thành trên cơ sở sáp nhập và chuyển đổi hình thức sở hữu từ 03 (ba) Công ty TNHH (Công ty TNHH TM Gò Đàng thành lập ngày 30/10/1998; Công ty TNHH chế biến thủy sản Gò Đàng – Tiền Giang thành lập ngày 01/07/2005; và Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát thành lập ngày 25/05/2006) sang Công ty cổ phần.

Niêm yết: Ngày 07/01/2010, Công ty cổ phần Gò Đàng đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là AGD.

II. 2. Quá trình phát triển

Quá trình hình thành phát triển:

Tầm nhìn và chiến lược của Công ty được cổ đông và nhân viên GODACO đồng tâm bám sát trong suốt gần 10 năm hoạt động của mình và những kết quả đạt được đã chứng minh rằng đó là các định hướng đúng đối với GODACO. Đó cũng chính là tiền đề giúp GODACO khẳng định vị trí của mình trong các công ty chế biến thủy sản ở Việt Nam. Dưới đây là một số cột mốc đáng nhớ của GODACO:

- ✓ 30/10/1998: Công ty TNHH TM Gò Đàng - HCM chính thức hoạt động với vốn điều lệ là 800.000.000 đồng.
- ✓ 13/01/2003: Thành lập chi nhánh Gò Đàng- Tiền Giang tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- ✓ 21/08/2003: Tăng vốn điều lệ lên 3.800.000.000 đồng.
- ✓ Tháng 04/2004, Nhà máy Gò Đàng – Tiền Giang đi vào sản xuất với công suất 10 tấn thành phẩm/ngày.
- ✓ 01/07/2005: Công ty TNHH chế biến thủy sản Gò Đàng – Tiền Giang được thành lập dựa trên nền tảng của Chi nhánh Gò Đàng – Tiền Giang với vốn điều lệ ban đầu là 3.800.000.000 tỷ đồng.
- ✓ 25/05/2006: Thành lập Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng.
- ✓ Tháng 12/2006: Công ty đưa thêm phân xưởng Bình Đức, trực thuộc Công ty Gò Đàng – Tiền Giang với công suất 7 tấn thành phẩm/ngày vào hoạt động.
- ✓ 11/05/2007: Công ty Cổ phần Gò Đàng (GODACO) được thành lập trên nền tảng của Công ty TNHH chế biến thủy sản Gò Đàng. Đồng thời Công ty TNHH Thương Mại Gò Đàng (sau đây gọi là Gò Đàng-HCM) và Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát trở thành công ty con của Công ty GODACO.
- ✓ Vào tháng 10/2007, Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát – Công ty con của Công ty Cổ phần Gò Đàng - bắt đầu chính thức đi vào sản xuất, công suất theo thiết kế của nhà máy này là 30 tấn thành phẩm/ngày. Trong thời gian này, vùng nuôi cá Tra 20ha (giai đoạn 1) đi vào hoạt động và có lứa cá thu hoạch đầu tiên vào tháng 04/2008.
- ✓ Vào tháng 11/2007, Kho lạnh An Phát 3.500 tấn hoàn thành và đi vào hoạt động. Với nhóm công ty này, trong năm 2008 công suất chế biến sẽ đạt 47 tấn thành phẩm/ngày.
- ✓ Năm 2008, vùng nuôi cá tra nguyên liệu với diện tích 30 ha của Công ty được đưa vào khai thác. Năm 2009, diện tích vùng nuôi được đầu tư mở rộng lên tới 50 ha, đáp ứng khoảng 40% lượng cá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Dự kiến trong năm 2010 sẽ mở rộng vùng nuôi lên tới 100 ha.

Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ Thu mua thủy sản
- ✓ Chế biến thủy sản
- ✓ Nuôi trồng thủy sản
- ✓ Chế biến thức ăn thủy sản
- ✓ Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (bao gồm kho lạnh).
- ✓ Đầu tư tài chính
- ✓ Mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2009

II. 3. Định hướng phát triển

Thấy được xu hướng phát triển của ngành thủy sản Việt Nam và nhu cầu tiêu dùng thủy sản của các nước trên toàn thế giới, năm 1998 Công ty TNHH Thương Mại Gò Đàng (tên viết tắt GODACO) được thành lập theo giấy CNĐKKD số 070186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/1998. Ngay từ ngày đầu hoạt động, GODACO đã xác định tầm nhìn là trở thành một trong 05 công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu tại Việt Nam. GODACO xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh đạt tốc độ tăng trưởng và hiệu quả cao dựa trên các yếu tố sau:

- ✓ Tạo nên sự khác biệt trên cơ sở hiểu biết nhu cầu khách hàng và hướng tới khách hàng;
- ✓ Duy trì tình trạng tài chính ở mức độ an toàn cao, tối ưu hóa việc sử dụng vốn của các thành viên để xây dựng GODACO trở thành công ty vững mạnh;
- ✓ Có chiến lược chuẩn bị nguồn nhân lực và đào tạo lực lượng nhân viên chuyên nghiệp nhằm đảm bảo quá trình vận hành của hệ thống liên tục và hiệu quả. GODACO thực hiện chiến lược tăng trưởng thông qua mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và thông qua hợp nhất và sáp nhập;
- ✓ Tăng trưởng thông qua mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh: hiện nay, GODACO đang tích cực phát triển mạng lưới khách hàng tại thị trường mục tiêu là khu vực Châu Âu, đồng thời nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới để cung cấp cho thị trường đang có và thị trường mới trong tình hình yêu cầu của khách hàng ngày càng tinh tế và phức tạp;
- ✓ Tăng trưởng thông qua hợp nhất và sáp nhập: GODACO luôn ý thức cần phải xây dựng năng lực tiếp nhận đối với loại tăng trưởng không cơ học này và thực hiện chiến lược hợp nhất và sáp nhập khi điều kiện cho phép. Tuy GODACO đã khẳng định được mình nhưng luôn nhận thức rằng thách thức vẫn còn phía trước và phải nỗ lực rất nhiều, đây nhanh hơn nữa việc thực hiện các chương trình trợ giúp kỹ thuật, các dự án nâng cao năng lực hoạt động, để có khả năng quản lý, khả năng cạnh tranh.

III. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

III. 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tổng giá trị tài sản	200.374.236.103	287.084.690.937	304.835.265.156
Doanh thu thuần	367.953.911.943	568.302.275.005	505.251.566.615
Lợi nhuận từ hoạt động KD	11.407.149.588	14.213.316.172	21.232.877.437
Lợi nhuận khác	642.817.063	3.057.317.794	1.030.080.857
Lợi nhuận trước thuế	12.049.966.651	17.270.633.966	22.262.958.294
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.113.627	58.691.032	30.289.816
Lợi nhuận sau thuế	11.986.853.024	17.211.942.934	22.262.668.478

(Nguồn: Báo cáo tài chính Godaco đã kiểm toán)

III. 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2009	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu	515.000.000.000	510.225.616.868	99,07%
Lợi nhuận sau thuế	14.000.000.000	22.262.668.478	159,01%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Godaco đã kiểm toán)

III. 3. Kế hoạch trong tương lai

➤ **Củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ:**

GODACO đã và đang xây dựng hình ảnh của mình trên thị trường để trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành chế biến thủy sản. Trong những năm tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc sản xuất hàng có giá trị gia tăng cao, tiếp thị sản phẩm tới mọi khách hàng, mở rộng hệ thống phân phối, đi vào cung cấp sản phẩm cho thị trường tiêu dùng trong nước.

➤ **Phát triển nguồn nhân lực**

GODACO luôn xem nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất mang lại thành công cho Công ty. Do đó vấn đề phát triển và ổn định nguồn nhân lực luôn luôn được xem như một trong những vị trí ưu tiên hàng đầu. Hiện nay, Công ty vẫn còn thiếu lao động có tay nghề cao, giàu kinh nghiệm. Do đó, trong những năm tới Công ty sẽ tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ cho người lao động, cung cấp điều kiện làm việc tốt và chế độ khen thưởng xứng đáng để nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của mình.

➤ **Ứng dụng công nghệ hiện đại vào quản lý công ty**

Ban điều hành công ty xác định phải ứng dụng công nghệ quản lý hiện đại (ERP) vào việc điều hành và quản lý công ty. Trong năm 2009, công ty kiên quyết phải triển khai thành công công nghệ quản lý hiện đại cho GODACO nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tính minh bạch của số liệu tài chính. Dữ liệu đang nhập vào hệ thống từ tháng 1/2010, dự kiến tới hết quý 2 sẽ vận hành hoàn chỉnh.

III. 4. Báo cáo tình hình tài chính

➤ **Một số chỉ số tài chính cơ bản trong 3 năm gần nhất**

Chỉ số	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Khả năng sinh lợi			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,26%	3,03%	4,36%
Lợi nhuận từ hđsxkd/tổng tài sản	5,69%	5,83%	7,29%
ROCE (Lợi nhuận thuần/ vốn kinh doanh)	36,07%	21,57%	27,79%
ROE (Lợi nhuận thuần/ vốn chủ sở hữu)	23,22%	15,36%	17,36%
Cơ cấu vốn			
Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,11	1,49	1,38
Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,53	0,60	0,58
Khả năng thanh toán			
Thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) (lần)	1,44	1,25	1,20
Thanh toán nhanh (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn(lần)	0,95	0,53	0,70
Năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	5,37	5,84	4,62
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	2,84	2,33	1,66

(Nguồn: Báo cáo tài chính GODACO đã kiểm toán)

➤ **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:**

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu (giá trị sổ sách) tại 31/12/2009: 128.076.440.132 đồng

Tổng số cổ phiếu thường đang lưu hành tại 31/12/2009: 8.000.000 cổ phiếu (không có CP ưu đãi)

Giá trị sổ sách/ 1 cổ phiếu: 16.009,56 đồng/ cổ phiếu.

➤ **Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:** không

➤ **Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:** trong năm 2009 đã chia cổ tức 12% bằng tiền.

➤ **Kế hoạch năm 2010.**

Các chỉ tiêu kinh doanh chính năm 2010

Khoản mục	Kế hoạch năm 2010
Tổng doanh thu	660.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	30.000.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.750
Tỷ lệ chia cổ tức	20%

Kế hoạch đầu tư năm 2010.

Thấy được xu hướng phát triển của ngành thủy sản Việt Nam và nhu cầu tiêu dùng thủy sản của các nước trên toàn thế giới, Ngay từ ngày đầu hoạt động, GODACO đã xác định chiến lược là trở thành một trong 05 công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu tại Việt Nam. Hiện nay GODACO đang đứng trong 10 công ty thủy sản hàng đầu và đang phấn đấu đạt mục tiêu đã xây dựng. Trong thời gian tới, Công ty có dự tính các dự án cụ thể sau:

- Đầu tư nhà máy thức ăn để đảm bảo nhu cầu thức ăn của cá đồng thời hạ giá thành sản xuất của cá nguyên liệu nguyên con. Dự kiến sẽ đầu tư trong năm 2010 với tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng. Sau khi có nhà máy này, giá thành thức ăn cá dự kiến giảm 700-1.000 đồng/kg, giá thành cá tra nguyên liệu sẽ giảm 1.000-1.500 đồng/kg. Mức đầu tư của Dự án khoảng 50 tỷ đồng.

- Đầu tư thêm dự án nuôi trồng với diện tích khoảng 45 ha đất tại Bến Tre (hoặc Tiền Giang) nhằm đảm bảo 80-90% công suất sản xuất hiện tại. Tổng mức đầu tư khoảng 50 tỷ đồng. Giá thành cá nguyên liệu tự sản xuất của Công ty đang thấp hơn cá nguyên liệu mua là khoảng 1.500-2.000 đồng/kg.

- Đầu tư dây chuyền sản xuất phụ phẩm cá nhằm tiêu thụ sản lượng phụ phẩm của Công ty, góp phần tăng lợi nhuận. Dự kiến vốn đầu tư cho dự án là 25 tỷ đồng. Dự kiến mức lợi nhuận của nhà máy chế biến phụ phẩm đóng góp vào cho Công ty sau khi hoạt động là 5 tỷ/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2009

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IV. 1. Báo cáo hợp nhất năm 2009 (phụ lục báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm)

IV. 2. Báo cáo công ty mẹ trước hợp nhất (phụ lục báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

V. 1. Kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty tư vấn và kiểm toán CA&A

Ý kiến kiểm toán độc lập: Chấp nhận toàn bộ

Các nhận xét đặc biệt: không

V. 2. Kiểm toán nội bộ: không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

VI. 1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có

VI. 2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

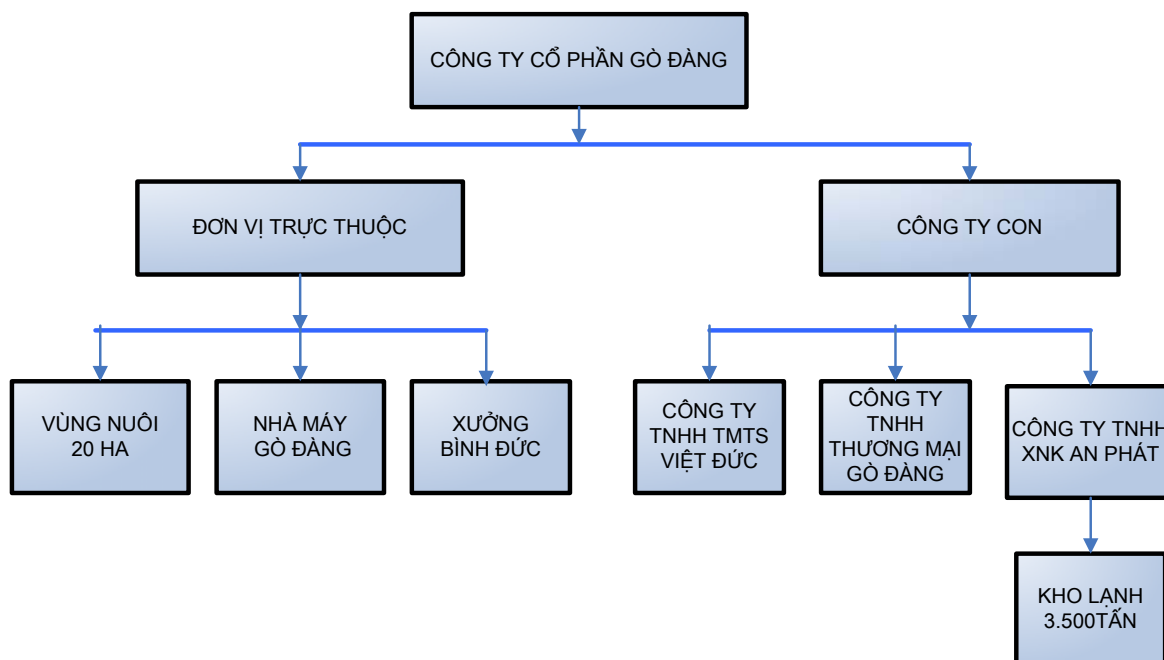
<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>% Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>% Quyền biểu quyết</i>
<i>Công ty TNHH TM Gò Đàng</i>	<i>Số 202/33 đường Cô Bắc, quận 1, TP.HCM</i>	<i>Thu mua hàng thủy sản</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
<i>Công ty TNHH XNK An Phát</i>	<i>Lô 25, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang</i>	<i>Chế biến hàng thủy sản</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
<i>Công ty TNHH TM TS Việt Đức</i>	<i>Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang</i>	<i>Thu mua hàng thủy sản</i>	<i>100</i>	<i>100</i>

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

Công ty	TNHH TM GÒ ĐÀNG	TNHH XNK AN PHÁT	CTY TNHH TM TS VIỆT ĐỨC
Tài sản lưu động	30.893.126.114	29.500.199.705	888.470.819
Tài sản cố định	1.068.789.282	68.074.734.762	-
Nợ phải trả	28.945.527.473	41.841.651.086	1.380.744.708
Vốn chủ sở hữu	3.016.387.923	55.733.283.382	(492.273.889)
Tổng giá trị tài sản	31.961.915.396	97.574.934.467	888.470.819
Doanh thu thuần	143.220.557.692	56.768.918.975	2.996.721.169
Lợi nhuận sau thuế	26.974.316	25.471.953.652	53.758.724

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

VII. 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



Trụ sở chính công ty (Lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang): Nơi có văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc công ty và các phòng, ban nghiệp vụ gồm: Phòng Kinh doanh, Phòng Mua hàng, Phòng Tổ chức-Hành chính-Nhân sự, Phòng Kế toán, Phòng Đầu tư, Nhà máy, Xưởng chế biến.

Các đơn vị trực thuộc:

Nhà máy Gò Đàng - Tiền Giang. Địa chỉ: Lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Xưởng Bình Đức. Địa chỉ: Xã Bình Đức, huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang

Vùng Nuôi cá. Địa chỉ: Thạnh Phú Đông, Giồng Trôm, Bến Tre.

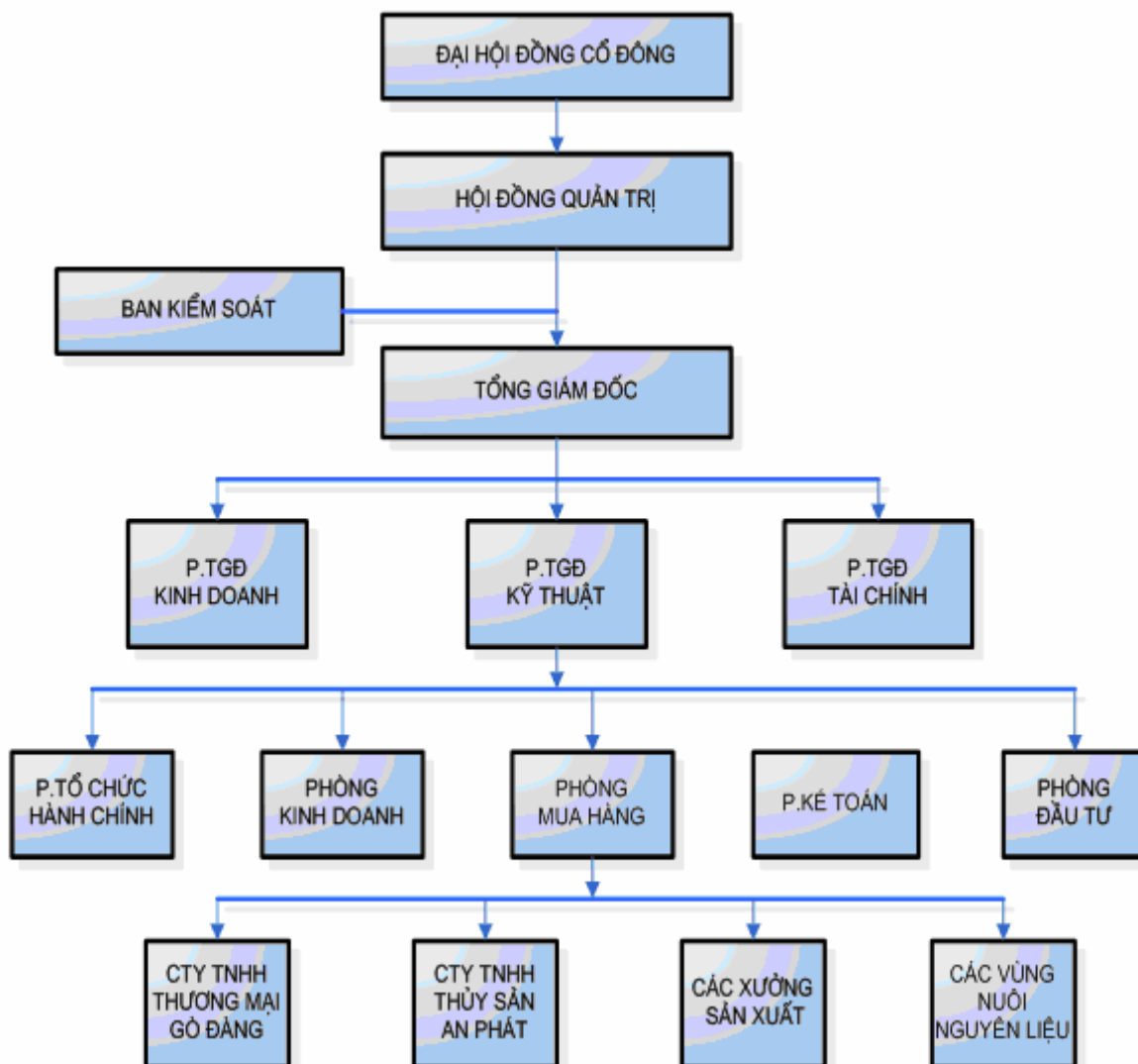
Các công ty con:

Công ty TNHH TM Gò Đàng, Địa chỉ: 202/13 Cô Bắc, Quận 1, TP. HCM, Vốn điều lệ: 3,8 tỷ đồng. Gò Đàng góp 99,00%.

Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát, Địa chỉ: Lô 25 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng. Gò Đàng góp 99,80%

Công ty TNHH TM TS Việt Đức, Địa chỉ: Lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Vốn điều lệ: 1 tỷ đồng. Gò Đàng góp 99,00%

VII. 2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



VII. 3. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
01	Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
02	Lê Quang Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
03	Lê Sơn Tùng	Thành Viên Hội đồng Quản trị
04	Trần Xuyên Giáo	Thành Viên Hội đồng Quản trị
05	Trương Thành Dũng	Thành Viên Hội đồng Quản trị

NGUYỄN VĂN ĐẠO

1. Chức danh: : Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng giám đốc
2. Giới tính : NAM
3. Năm sinh : 1966
4. Nơi sinh : Mỏ Cày, Bến Tre
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Chứng minh nhân dân số : 320601957
8. Ngày cấp : 23/06/2006
9. Nơi cấp : Bến Tre
10. Quê quán : Mỏ Cày, Bến Tre
11. Địa chỉ thường trú : Số 8/1 đường 30/4, phường 4, TX Bến Tre, tỉnh Bến Tre
12. Số điện thoại cơ quan : 073 – 3854526
13. Trình độ văn hóa : 12/12
14. Trình độ chuyên môn : Đại học Kinh tế
15. Quá trình công tác : 1990-1996: Công ty thủy sản Bến Tre
1996-2001 Công ty Thái Dương – Suneo
2001 đến nay: Công ty CP Gò Đàng
16. Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc
17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
18. Số cổ phiếu nắm giữ : 1.634.160
(đến 31/12/2009)
19. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan : Vợ Nguyễn Thị Thanh Trúc: 1.634.160 CP

LÊ QUANG TUẤN

- 1 Chức danh: : PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 2 Giới tính : NAM
- 3 Năm sinh : 1970
- 4 Nơi sinh : Bình Thuận
- 5 Quốc tịch : Việt Nam
- 6 Dân tộc : Kinh
- 7 Chứng minh nhân dân số : 023971907
- 8 Ngày cấp : 11/01/02
- 9 Nơi cấp : Tp HCM
- 10 Quê quán : Bình Thuận
- 11 Địa chỉ thường trú : 366/7A Chu Văn An - P.12 - Q.Bình Thạnh - Tp.HCM
- 12 Số điện thoại cơ quan : 08-38290920
- 13 Trình độ văn hóa : 12/12
- 14 Trình độ chuyên môn : Đại học Kinh tế
- 15 Quá trình công tác :
 - Từ 1992 đến 2001: Công ty Kiểm Toán Sài Gòn (AFC)
 - Từ 2001 đến 2006: Phó giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán D.T.L
 - Từ 2006 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP sành sứ thủy tinh Việt Nam
- 16 Chức vụ công tác hiện nay : Phó TGĐ Công ty CP sành sứ thủy tinh Việt Nam
- 17 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- 19 Số cổ phiếu nắm giữ : 0
- 20 Đại diện uỷ quyền của Công ty CP sành sứ Thủy tinh VN : 1.101.188
- 21 Số lượng cổ phiếu của những người liên quan. : Không

LÊ SƠN TÙNG

- | | | | |
|-----------|--|---|--|
| 1 | Chức danh: | : | Thành viên HĐQT, phó tổng giám đốc |
| 2 | Giới tính | : | NAM |
| 3 | Năm sinh | : | 1966 |
| 4 | Nơi sinh | : | BẾN TRE |
| 5 | Quốc tịch | : | VIỆT NAM |
| 6 | Dân tộc | : | KINH |
| 7 | Chứng minh nhân dân số | : | 320557757 |
| 8 | Ngày cấp | : | 04/11/2004 |
| 9 | Nơi cấp | : | CA BẾN TRE |
| 10 | Quê quán | : | BẾN TRE |
| 11 | Địa chỉ thường trú | : | 506/15/4 ĐƯỜNG 3/2 , P 14 , QUẬN 10 |
| 12 | Số điện thoại cơ quan | : | 08- 38376219 |
| 13 | Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| 14 | Trình độ chuyên môn | : | TRUNG CẤP KT |
| 15 | Quá trình công tác | : | TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2009 CÔNG TÁC TẠI CTY
TNHH TM GỖ ĐÀNG |
| 16 | Chức vụ công tác hiện nay | : | Giám đốc CT TNHH TM Gò Đàng |
| 17 | Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| 18 | Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích
Công ty | : | Không |
| 19 | Số cổ phiếu nắm giữ
(đến 31/12/2009) | : | 958.101 |
| 21 | Số lượng cổ phiếu của những
người liên quan (đến
31/12/2009) | : | Vợ Lê Thị Liêm: 801.088 cổ phiếu |

TRẦN XUYÊN GIÁO

- 1** Chức danh: : Thành viên HĐQT
- 2** Giới tính : NAM
- 3** Năm sinh : 1966
- 4** Nơi sinh : BẾN TRE
- 5** Quốc tịch : VIỆT NAM
- 6** Dân tộc : KINH
- 7** Chứng minh nhân dân số : TRẦN XUYÊN GIÁO
- 8** Ngày cấp : 15/01/2004.
- 9** Nơi cấp : CA BẾN TRE
- 10** Quê quán : BẾN TRE
- 11** Địa chỉ thường trú : 158/4, Nguyễn Huệ, P.1, Thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- 12** Số điện thoại cơ quan : 073 3954841.
- 13** Trình độ văn hóa : 12/12
- 14** Trình độ chuyên môn : TRUNG CẤP KT
- 15** Quá trình công tác : - Từ 1992 đến 1996 : làm việc tại công ty Thủy sản Bến Tre (Tổ trưởng phòng máy)
- Từ 1996 đến 2003: làm việc tại công ty Thái Dương, Q.3, TP HCM (nhân viên Bộ phận Thủy sản)
- Từ 2003 đến nay : Công ty TNHH TM TS (nay là công ty Cổ phần) Gò Đàng, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang (Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc)
- 16** Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc.
- 17** Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 18** Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- 19** Số cổ phiếu nắm giữ : 9.273 cổ phiếu
(đến 31/12/2009)
- 21** Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 31/12/2009) : Con gái Trần Minh Thư: 1.000 cổ phiếu

TRƯỞNG THÀNH DŨNG

- 1 Chức danh: : Thành Viên hội đồng quản trị
- 2 Giới tính : NAM
- 3 Năm sinh : 1959
- 4 Nơi sinh : Châu Thành, Bến Tre
- 5 Quốc tịch : Việt Nam
- 6 Dân tộc : Kinh
- 7 Chứng minh nhân dân số : 320288906
- 8 Ngày cấp : 20/06/2007
- 9 Nơi cấp : CA Bến Tre
- 10 Quê quán : Châu Thành, Bến Tre
- 11 Địa chỉ thường trú : Ấp 3, Xã An Hóa, Châu Thành, Bến Tre
- 12 Số điện thoại cơ quan : 075-3865292
- 13 Trình độ văn hóa : 12/12
- 14 Quá trình công tác : Từ 1980 -2000: Tự Doanh
Từ 2001 đến nay: Giám đốc DNTN Dũng Hương
- 15 Chức vụ công tác hiện nay : Giám Đốc DNTN Dũng Hương
- 16 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 17 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- 18 Số cổ phiếu nắm giữ : 21.788
(đến 31/12/2009)
- 19 Số lượng cổ phiếu của những người liên quan : 0

Danh sách Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
01	Nguyễn Công Bình	Trưởng Ban kiểm soát
02	Trần Ngọc Sơn	Thành viên Ban kiểm soát
03	Trương Thị Thúy	Thành viên Ban kiểm soát

NGUYỄN CÔNG BÌNH

- 1 Chức danh: : Trưởng ban kiểm soát
- 2 Giới tính : NAM
- 3 Năm sinh : 1976
- 4 Nơi sinh : Tiền Giang
- 5 Quốc tịch : Việt Nam
- 6 Dân tộc : Kinh
- 7 Chứng minh nhân dân số : 311420986
- 8 Ngày cấp : 18 / 04 / 2005
- 9 Nơi cấp : C.A Tiền Giang
- 10 Quê quán : Tiền Giang
- 11 Địa chỉ thường trú : Ấp Bình An, Xã Song Bình, Chợ Gạo, Tiền Giang, VN
- 12 Số điện thoại cơ quan : 073 3 953 227
- 13 Trình độ văn hóa : 12/12
- 14 Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- 15 Quá trình công tác : 2004 – 2009: Công ty cổ phần Gò Đàng
- 16 Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng phòng Sales
- 17 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không
Công ty
- 19 Số cổ phiếu nắm giữ (đến : 691 CP
31/12/2009)
- 21 Số lượng cổ phiếu của những : Chị gái Nguyễn Thị Hồng Vân: 500 CP
người liên quan (đến
31/12/2009)

TRẦN NGỌC SƠN

- | | | | |
|----|--|---|--|
| 1 | Chức danh: | : | THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT |
| 2 | Giới tính | : | NAM |
| 3 | Năm sinh | : | 1961 |
| 4 | Nơi sinh | : | Bến Tre |
| 5 | Quốc tịch | : | Việt Nam |
| 6 | Dân tộc | : | Kinh |
| 7 | Chứng minh nhân dân số | : | 320019216 |
| 8 | Ngày cấp | : | 24/08/1999 |
| 9 | Nơi cấp | : | Bến Tre |
| 10 | Quê quán | : | Bến Tre |
| 11 | Địa chỉ thường trú | : | 128/16 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thị xã Bến Tre |
| 12 | Số điện thoại cơ quan | : | 073 3854525 |
| 13 | Trình độ văn hóa | : | 12/12 |
| 14 | Trình độ chuyên môn | : | |
| 15 | Quá trình công tác | : | 1979-1983: Đi bộ đội
1984-1993: Công ty Thực phẩm Công Nghệ
1994-1995: Công ty thủy sản Bến Tre
1995-2003: Công ty Thái Dương
2003 đến nay: Công ty CP Gò Đàng |
| 16 | Chức vụ công tác hiện nay | : | Trưởng phòng kinh doanh |
| 17 | Hành vi vi phạm pháp luật | : | Không |
| 18 | Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | : | Không |
| 19 | Số cổ phiếu nắm giữ (đến 31/12/2009) | : | 554 cổ phiếu |
| 21 | Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 31/12/2009) | : | Trần Thị Phương Thảo: 400 CP |

TRƯƠNG THỊ THÚY

1	Chức danh	:	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
2	Giới tính	:	NỮ
3	Năm sinh	:	1965
4	Nơi sinh	:	BẾN TRE
5	Quốc tịch	:	VIỆT NAM
6	Dân tộc	:	KINH
7	Chứng minh nhân dân số	:	320544380
8	Ngày cấp	:	03/05/2006
9	Nơi cấp	:	CA BẾN TRE
10	Quê quán	:	BẾN TRE
11	Địa chỉ thường trú	:	81/85 NGUYỄN CỬU VÂN, P 17 , QUẬN TÂN BÌNH
12	Số điện thoại cơ quan	:	0838368457
13	Trình độ văn hóa	:	TỐT NGHIỆP CẤP III
14	Trình độ chuyên môn	:	TRUNG CẤP KT
15	Quá trình công tác	:	TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2009 CÔNG TÁC TẠI CTY TNHH TM GỖ ĐÀNG
16	Chức vụ công tác hiện nay	:	KẾ TOÁN TRƯỞNG CTY TNHH TM GỖ ĐÀNG
17	Hành vi vi phạm pháp luật	:	
18	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	
19	Số cổ phiếu nắm giữ (đến 31/12/2009)	:	3.560
21	Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 31/12/2009)	:	Không

12.1 Danh sách Ban Giám đốc

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THAM CHIẾU
01	Nguyễn Văn Đạo	Thành viên HĐQT- Kiêm Tgiám đốc	12.2.1
02	Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	12.2.3
03	Trần Xuyên Giáo	Phó Tổng Giám đốc	12.2.4
04	Nguyễn Tùng Dương	Phó Tổng Giám đốc	

NGUYỄN TÙNG DƯƠNG

- 1 Chức danh: : Phó tổng giám đốc
- 2 Giới tính : NAM
- 3 Năm sinh : 1979
- 4 Nơi sinh : Nghệ An
- 5 Quốc tịch : Việt Nam
- 6 Dân tộc : Kinh
- 7 Chứng minh nhân dân số : 271594307
- 8 Ngày cấp : 06/06/2007
- 9 Nơi cấp : Đồng Nai
- 10 Quê quán : Nghệ An
- 11 Địa chỉ thường trú : Ấp Long Đức 1, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai
- 12 Số điện thoại cơ quan : 073 3854524
- 13 Trình độ văn hóa : 12/12
- 14 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- 15 Quá trình công tác : 2001-2005: Công ty kiểm toán DTL
2005-2006: Công ty kiểm toán S&S
2006-2007: Công ty CP sành sứ Thủy Tinh Việt Nam
2008 đến nay: Công ty CP Gò Đàng
- 16 Chức vụ công tác hiện nay : Phó tổng giám đốc
- 17 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- 19 Số cổ phiếu nắm giữ : 8.060 CP
(đến 31/12/2009)
- 21 Số lượng cổ phiếu của những người liên quan : Không

Kế toán trưởng: THÁI THỊ KHÁNH VÂN

- 1 Chức danh: : KẾ TOÁN TRƯỞNG
- 2 Giới tính : NỮ
- 3 Năm sinh : 1979
- 4 Nơi sinh : Bến Tre
- 5 Quốc tịch : Việt Nam
- 6 Dân tộc : Kinh
- 7 Chứng minh nhân dân số : 320985921
- 8 Ngày cấp : 14/07/1995
- 9 Nơi cấp : Bến Tre
- 10 Quê quán : Bến Tre
- 11 Địa chỉ thường trú : Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Mỹ Tho, Tiền Giang
- 12 Số điện thoại cơ quan : 073 3854524
- 13 Trình độ văn hóa : 12/12
- 14 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- 15 Quá trình công tác : 2004 đến nay: Công ty CP Gò Đàng
- 16 Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng
- 17 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không
Công ty
- 19 Số cổ phiếu nắm giữ : 1.824 CP
(đến 31/12/2009)
- 21 Số lượng cổ phiếu của những : Ba ruột Thái Văn Hai: 500 CP.
người liên quan Chồng Lê Thành Thơ: 1.603 CP.

VII. 4. Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

Tiền lương trong năm 2009: 600 triệu.

Tiền thưởng ban giám đốc trong năm 2009: không.

VII. 5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Số lượng cán bộ CNV: 1.184 người

VII. 6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

Thay đổi thành viên hội đồng Quản trị: Miễn nhiệm chức vụ thành viên hội đồng quản trị đối với Bà Lương Thị Thảo (Đại diện cho phần vốn góp của Quỹ Việt Long) do Bà Thảo không sắp xếp được công việc tại Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Long. Bầu bổ sung thêm thành viên hội đồng quản trị mới là Ông Trương Thành Dũng.

Thay đổi thành viên ban kiểm soát: Miễn nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát đối với Bà Trần Đức Mỹ Dung (Đại diện cho phần vốn góp của Công ty chứng khoán Rồng Việt) do Bà Dung không sắp xếp được công việc tại Công ty chứng khoán Rồng Việt. Bầu bổ sung thêm thành viên hội đồng quản trị mới là Ông Nguyễn Công Bình.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty.

VIII. 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Ghi chú
Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Lê Quang Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Thành viên độc lập, không điều hành
Lê Sơn Tùng	Thành Viên Hội đồng Quản trị	
Trần Xuyên Giáo	Thành Viên Hội đồng Quản trị	
Trương Thành Dũng	Thành Viên Hội đồng Quản trị	Thành viên độc lập, không điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên

Họ và tên	Số lượng cuối năm	Tỷ lệ	Số lượng đầu năm	Thay đổi
Nguyễn Văn Đạo	1.634.160	20,427%	1.634.160	Không
Lê Quang Tuấn	-	-	80.732	-100,00%
Lê Sơn Tùng	958.101	11,976%	1.960.992	- 51,14%
Trần Xuyên Giáo	9.273	0,116%	-	N/A
Trương Thành Dũng	21.788	0,272%	21.788	Không

VIII. 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

➤ **Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:** không có

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2009

➤ **Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập**

Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ liên lạc	Số lượng	Tỷ lệ	Thay đổi
NGUYỄN VĂN ĐẠO	1967	Số 8/1 đường 30/4, phường 4, TX Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1.634.160	20,427%	Không
NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	1967	Số 8/1 đường 30/4, phường 4, TX Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1.634.160	20,427%	Không
LÊ SƠN TÙNG	1966	506/15/4 đường 3/2, phường 14, Quận 10, Tp.HCM	958.101	11,976%	(*)

(*) Chi tiết phát biến động cổ phiếu sở hữu của Ông Lê Sơn Tùng như sau:

	Cổ phiếu	Tỷ lệ
Số lượng cổ phiếu sở hữu đầu năm	1.960.992	24,512%
Chuyển nhượng cho Bà Lê Thị Liêm (Vợ Ông Tùng)	-800.000	-10,000%
Chuyển nhượng cho Bà Lê Thị Ái Thanh	-200.000	-2,500%
Chuyển nhượng cho cán bộ công nhân viên khác	-2.891	-0,036%
Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối năm (31/12/2009)	958.101	11,976%

➤ **Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: không có**

Báo cáo thường niên năm 2009 đã được Tổng Giám đốc công ty phê duyệt phát hành vào ngày 19/03/2010.

Người lập

Chủ tịch hội đồng quản trị

NGUYỄN TÙNG DƯƠNG

NGUYỄN VĂN ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		195.810.161.144	184.862.891.385
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	20.395.952.196	5.143.947.198
1. Tiền	111		7.995.952.196	5.143.947.198
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.400.000.000	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.02	85.984.117.378	68.409.813.846
1. Phải thu khách hàng	131		74.204.725.052	57.056.378.204
2. Trả trước cho người bán	132		3.491.447.654	2.193.395.625
3. Các khoản phải thu khác	138		8.287.944.672	9.160.040.017
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	81.945.953.683	106.051.369.594
1. Hàng tồn kho	141		82.227.191.283	106.051.369.594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(281.237.600)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		7.484.137.886	5.257.760.747
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	577.055.283	1.550.113.629
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.589.510.921	3.075.010.026
3. Các khoản thuế phải thu	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.317.571.682	632.637.092
B. Tài sản dài hạn	200		109.025.104.011	102.221.799.552
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		105.863.027.526	99.762.966.230
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	92.028.876.384	85.444.877.244
- Nguyên giá	222		117.842.933.944	101.592.277.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.814.057.560)	(16.147.399.928)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	8.704.490.075	8.591.323.534
- Nguyên giá	228		9.333.550.910	8.633.550.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(629.060.835)	(42.227.376)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	5.129.661.067	5.726.765.452
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		2.695.950.861	1.876.176.291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.695.950.861	1.876.176.291
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269	V.10	466.125.624	582.657.031
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		304.835.265.156	287.084.690.937

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		176.758.825.024	171.722.740.482
I. Nợ ngắn hạn	310		162.599.825.024	147.720.447.123
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	119.519.930.068	79.906.678.166
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	28.065.195.044	58.785.638.649
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	1.493.375.489	395.559.594
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.13	312.326.514	67.097.459
5. Phải trả công nhân viên	315		2.239.209.234	3.320.036.309
6. Chi phí phải trả	316		-	1.168.593.443
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	10.969.788.676	4.076.843.503
II. Nợ dài hạn	320		14.159.000.000	24.002.293.359
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.15	14.159.000.000	24.002.293.359
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.16	128.076.440.132	115.361.950.454
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		127.570.652.497	115.062.482.877
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.306.550.000	31.287.710.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	(200.900.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.616.734.255	2.756.137.107
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.647.368.242	1.219.535.770
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		505.787.635	299.467.577
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		505.787.635	299.467.577
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		304.835.265.156	287.084.690.937

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - USD	119.287,57	11.424,04
Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH - EUR	4.127,38	7.378
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(đã ký)

THÁI THỊ KHÁNH VÂN
 Kế toán trưởng
 Ngày 24 tháng 01 năm 2010

(đã ký)

NGUYỄN VĂN ĐẠO
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		510.225.616.868	572.776.500.098
2. Các khoản giảm trừ	03		4.974.050.253	4.474.225.093
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	505.251.566.615	568.302.275.005
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	434.229.902.109	480.080.205.188
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.021.664.506	88.222.069.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6.489.122.561	2.026.626.957
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	9.759.879.504	10.929.966.030
- Trong đó: lãi vay	23		7.981.706.465	10.929.966.030
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	35.042.651.808	52.722.022.455
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	11.475.378.319	12.383.392.116
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		21.232.877.437	14.213.316.172
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.923.901.456	4.970.341.008
12. Chi phí khác	32	VI.08	893.820.599	1.913.023.214
13. Lợi nhuận khác	40		1.030.080.857	3.057.317.794
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		22.262.958.294	17.270.633.966
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		30.289.816	58.691.032
17. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59		22.232.668.478	17.211.942.934
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		22.232.668.478	17.211.942.934
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.779	2.157

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(đã ký)

(đã ký)

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	22.262.958.294	17.270.633.966
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.265.633.951	7.644.263.968
Các khoản dự phòng	03	281.237.600	(1.912.348.759)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(592.954.335)	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	99.388.547	(82.537.208)
Chi phí lãi vay	06	7.981.706.465	10.929.966.030
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	40.297.970.521	33.849.977.997
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(20.244.857.941)	6.679.219.837
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	23.824.178.311	(45.122.431.849)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(24.764.163.817)	34.017.714.370
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	153.283.776	436.154.463
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.981.706.465)	(11.215.918.938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(59.550.122)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(137.918.800)	(168.061.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.146.785.585	18.417.104.058
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(16.438.552.387)	(52.708.837.583)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	90.000.000	1.771.343.022
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	212.142.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.348.552.387)	(50.725.352.448)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	310.740.000	110.900.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	(91.000.000)	(200.900.000)
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	495.008.118.420	396.836.933.871
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(465.238.159.877)	(354.445.771.210)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(9.600.000.000)	(10.276.626.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.389.698.543	32.024.536.061
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.187.931.741	(283.712.329)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.143.947.198	5.427.659.527
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(64.073.258)	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	20.395.952.197	5.143.947.198

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(đã ký)

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 01 năm 2010

(đã ký)

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Thông tin doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000064 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty, thông qua Công ty mẹ và các công ty con, có hoạt động chính là thu mua thủy sản; chế biến thủy sản; nuôi trồng thủy sản; dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; đầu tư tài chính; mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản.

3 Địa chỉ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4 Các công ty con

Công ty có 03 (ba) công ty con, được hợp nhất trong báo cáo tài chính.

5 Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	% Tỷ lệ lợi ích	% Quyền biểu quyết
Công ty TNHH TM Gò Đàng	Số 202/33 đường Cô Bắc, quận 1, TP.HCM	Thu mua hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH XNK An Phát	Lô 25, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Chế biến hàng thủy sản	100	100
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	Thu mua hàng thủy sản	100	100

Công ty cổ phần Gò Đàng đầu tư trực tiếp 99% và gián tiếp 1% vào các Công ty con.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).
- Ngôn ngữ sử dụng trong kế toán: Tiếng Việt
- Hình thức ghi sổ: Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gò Đàng và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng hàng hoá tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm hàng hoá tồn kho có thể xảy ra dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
Tài sản cố định khác	03 - 06 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được ghi nhận như tài sản cố định vô hình.

7. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn sở hữu được Công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

10. Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

11. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Các quỹ của Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính được lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản nợ hoặc thuế nợ và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm đầu tư mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho công nhân viên.

13. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Gò Đàng (Công ty mẹ) được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm từ năm 2006 đến năm 2008. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát và Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức (các Công ty con) được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và thời gian miễn giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2006 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và được hưởng các ưu đãi về đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định về khuyến khích, ưu đãi đầu tư đầu tư ban hành theo Quyết định số 66/2005/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Theo đó, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty chỉ được hưởng các ưu đãi này nếu thực hiện đầu tư vào đúng lĩnh vực, địa bàn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người.

Công ty TNHH TM Gò Đàng áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

17. Tài sản cầm cố thế chấp

Tài sản cầm cố thế chấp được xem là một khoản đảm bảo khi được ghi nhận trong hợp đồng vay. Bất kỳ một sự hạn chế sử dụng nào cũng được thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

18. Tài khoản ngoài bảng

Giá trị được ghi nhận trong tài khoản ngoài bảng theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Phân loại theo tính chất

	31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt	3.085.618.851	2.631.714.762
Tiền gửi ngân hàng	4.910.333.345	2.131.083.833
Các khoản tương đương tiền (1.1)	12.400.000.000	-
Tiền đang chuyển	-	381.148.603
Cộng	20.395.952.196	5.143.947.198

(1.1) Các khoản tiết kiệm có kỳ hạn nhỏ hơn 03 tháng, bao gồm:

	Số dư tại ngày 31/12/2009	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tiền Giang	7.400.000.000	9,7% - 10,38%
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN TP.HCM	5.000.000.000	9,78%
Cộng	12.400.000.000	

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	31/12/2009	01/01/2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	4.626.039.677	1.863.307.673
Công ty TNHH TM Gò Đàng	3.058.027.495	989.833.243
Công ty TNHH XNK TS An Phát	12.643.224.781	2.195.586.502
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	68.660.243	95.219.780
Cộng	20.395.952.196	5.143.947.198

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng (2.1)	74.204.725.052	57.056.378.204
Trả trước người bán	3.491.447.654	2.193.395.625
Phải thu khác (2.2)	8.287.944.672	9.160.040.017
Cộng	85.984.117.378	68.409.813.846
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	85.984.117.378	68.409.813.846

(2.1) Trong đó, bao gồm số dư các khoản phải thu khách hàng nước ngoài tại ngày 31/12/2009 là 3,868,870.58 USD và 137,552.70 EUR tương đương 73.120.236.562 đồng.

(2.2) Chi tiết các khoản phải thu khác:

	31/12/2009	01/01/2009
Phải thu tiền hoàn thuế	1.722.219.128	856.436.818
Phải thu ứng trước tiền đất và thi công công trình	5.370.255.000	-
Phải thu khác	1.195.470.544	8.303.603.199
Cộng	8.287.944.672	9.160.040.017

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Hàng tồn kho

Phân loại theo tính chất

	31/12/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu	293.992.302	4.962.442.267
Công cụ, dụng cụ trong kho	3.983.616.905	4.625.936.043
Chi phí sản xuất dở dang	29.862.567.889	18.076.680.865
Thành phẩm tồn kho	45.224.809.630	73.697.273.673
Hàng hóa tồn kho	2.862.204.557	4.689.036.746
Cộng	82.227.191.283	106.051.369.594
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.1) (281.237.600)	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	81.945.953.683	106.051.369.594

(3.1) Khoản dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho do hàng kém phẩm chất.

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	31/12/2009	01/01/2009
Công ty Cổ phần Gò Đàng	71.119.174.787	96.750.158.301
Công ty TNHH TM Gò Đàng	10.639.131.401	9.087.314.339
Công ty TNHH XNK TS An Phát	187.647.495	213.896.954
Cộng	81.945.953.683	106.051.369.594

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	577.055.283	1.550.113.629
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	-
Cộng	577.055.283	1.550.113.629

Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ dụng cụ kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích dưới 01 năm.

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Tạm ứng nhân viên	1.187.930.221	30.637.092
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	129.641.461	602.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	1.317.571.682	632.637.092

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

Phân loại theo tính chất

	Đơn vị tính: ngàn đồng					
	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	36.704.363	59.549.550	3.257.116	647.805	1.433.443	101.592.277
Tăng	2.128.625	10.798.028	3.183.562	160.998	64.443	16.335.657
Giảm	-	85.000	-	-	-	85.000
Số dư cuối năm	38.832.989	70.262.578	6.440.678	808.803	1.497.886	117.842.934
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	7.447.122	7.329.592	496.618	236.079	637.989	16.147.400
Tăng	4.867.102	3.906.404	476.789	160.607	267.898	9.678.800
Giảm	-	12.143	-	-	-	12.143
Số dư cuối năm	12.314.224	11.223.854	973.407	396.686	905.887	25.814.058
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	29.257.242	52.219.958	2.760.498	411.726	795.454	85.444.877
Số dư cuối năm	26.518.764	59.038.725	5.467.271	412.117	591.999	92.028.876

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Công ty Cổ phần Gò Đàng	Công ty TNHH TM Gò Đàng	Công ty TNHH XNK TS An Phát	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	30.173.094.783	1.589.727.100	69.829.455.289	101.592.277.172
Tăng	10.563.081.625	66.386.205	5.706.188.942	16.335.656.772
Giảm	-	-	85.000.000	85.000.000
Số dư cuối năm	40.736.176.408	1.656.113.305	75.450.644.231	117.842.933.944
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	12.331.967.464	386.940.611	3.428.491.853	16.147.399.928
Tăng	4.690.005.902	334.149.309	4.654.645.281	9.678.800.492
Giảm	-	-	12.142.860	12.142.860
Số dư cuối năm	17.021.973.366	721.089.920	8.070.994.274	25.814.057.560
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	17.841.127.319	1.202.786.489	66.400.963.436	85.444.877.244
Số dư cuối năm	23.714.203.042	935.023.385	67.379.649.957	92.028.876.384

Tài sản cố định hữu hình tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm mới.

Tài sản cố định hữu hình giảm do nhượng bán.

Tài sản tại Công ty con - Công ty TNHH XNK TS An Phát, có giá trị 69.829.455.289 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) được thuyết minh tại mục V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình

		Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	(*)	8.584.656.870	48.894.040	8.633.550.910
Tăng		700.000.000	-	700.000.000
Giảm		-	-	-
Số dư cuối năm		9.284.656.870	48.894.040	9.333.550.910
Khâu hao lũy kế				
Số dư đầu năm		-	42.227.376	42.227.376
Tăng		581.833.461	4.999.998	586.833.459
Giảm		-	-	-
Số dư cuối năm		581.833.461	47.227.374	629.060.835
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm		8.584.656.870	6.666.664	8.591.323.534
Số dư cuối năm		8.702.823.409	1.666.666	8.704.490.075

(*) Trong đó, nguyên giá của những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.721.428.258 đồng. Công ty chưa tiến hành trích khấu hao đưa vào chi phí cho những tài sản cố định này kể từ khi mua đến nay.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng do mua sắm mới.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

		31/12/2009	01/01/2009
Công trình xây dựng nhà trọ nhân viên		-	1.780.104.591
Công trình xây dựng nhà máy tại Công ty TNHH An Phát		-	60.000.000
Công trình khu nuôi cá		2.956.521.892	2.381.752.208
Mua sắm tài sản cố định	(*)	1.768.629.770	1.169.973.770
Các công trình khác		404.509.405	334.934.883
Cộng		5.129.661.067	5.726.765.452

(*) Bao gồm chi phí mua phần mềm quản lý là 579.768.010 đồng và chi phí mua 02 dàn lạnh cùng phụ kiện chất làm lạnh là 1.188.861.760 đồng. Hiện tại các tài sản này vẫn đang được vận hành thử. Công ty dự kiến hoàn tất quá trình chạy thử và kết chuyển sang TSCĐ trong năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2009	01/01/2009
Tiền thuê đất (*)	(*)	638.329.640	898.273.913
Chi phí sửa chữa nhà xưởng		934.964.578	133.865.911
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ		1.122.656.643	703.220.011
Chi phí trước hoạt động		-	140.816.456
Cộng		2.695.950.861	1.876.176.291

(*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLĐ ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m² đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047. Tổng giá trị tiền thuê là 50,000.00 USD.

10. Lợi thế thương mại		31/12/2009	01/01/2009
Lợi thế thương mại		466.125.624	582.657.031

Giá trị lợi thế thương mại được kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 10 năm bắt đầu từ năm 2008.

11. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn		114.599.930.068	79.906.678.166
Nợ dài hạn đến hạn trả	(15.1*)	4.920.000.000	-
Cộng		119.519.930.068	79.906.678.166

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

		Số dư vay đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số dư vay cuối năm
NH Sài Gòn Thương Tín		-	10.249.000	10.249.000	-
NH TMCP Xuất Nhập khẩu VN	11.1	-	105.948.561	52.211.097	53.737.464
NH TMCP Liên Việt	11.2	-	47.621.245	20.126.805	27.494.440
NH Ngoại Thương VN	11.3	-	10.000.000	-	10.000.000
NH Công Thương VN - CN 8	11.4	62.876.304	300.880.312	354.375.886	9.380.729
Vay cá nhân khác	11.5	17.030.375	-	3.043.078	13.987.297
Cộng		79.906.679	474.699.118	440.005.867	114.599.930

Đơn vị tính: ngàn đồng

(11.1) Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình với lãi suất dao động từ 3,9%/năm - 5%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2009 là USD 2,816,975.90 và EUR 118,610.50 tương đương 53.737.464 ngàn đồng.

(11.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 378-09/HĐTD-HCM ngày 08/9/2009; hạn mức vay: 50 tỷ đồng; mục đích vay: tài trợ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công thương Việt nam - CN8 và bổ sung vốn lưu động; lãi suất vay 10%/năm. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2009 là 27.494.440 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Giồng Rom, tỉnh Bến Tre; quyền thuê đất cùng với nhà xưởng tại Lô 45 KCN Mỹ Tho - Tiền Giang và máy móc thiết bị kho lạnh với tổng giá trị theo định giá của ngân hàng là 16,17 tỷ đồng.

- Một phần giá trị tài sản là nhà xưởng thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát với tổng giá trị theo định giá là 21,9 tỷ đồng.

- Hàng hóa tồn kho thành phẩm trong quá trình luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng là: cá tra fillet thành phẩm; nghêu, sò lông, tôm, mực thành phẩm.

(11.3) Vay theo chương trình hỗ trợ lãi suất của Chính phủ từ **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/CV/0063/TD2/09LD ngày 13/7/2009. Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng; lãi suất vay thực trả 6,5%/năm. Các khoản hỗ trợ về lãi suất sẽ kết thúc vào ngày 31/12/2009. Số dư tại ngày 31/12/2009 là 10 tỷ đồng.

(11.4) Vay từ **Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN 8 TP.HCM**, bao gồm:

+ Vay chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu với số tiền là 154,993.00 USD tương đương 2.780.730 ngàn đồng.

+ Vay theo hợp đồng tín dụng số 0005/2009/HDHM ngày 09/3/2009; mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất là 10.5%/năm; số dư tại ngày 31/12/2009 là 6.600.000.000 đồng. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ 3 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0091/HĐTC ngày 18/5/2008 và 0092/HĐTC ngày 18/5/2009 giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN 8 TP. HCM (bên nhận thế chấp) và Ông Lê Sơn Tùng, cùng Bà Lê Thị Liêm (bên thế chấp hợp đồng 0091); Ông Nguyễn Văn Đạo, cùng Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc (bên thế chấp hợp đồng 0092). **Chi tiết tài sản thế chấp của bên thứ 3 như sau:**

- Căn nhà số 506/15/4 Đường 3/2, phường 14, quận 10, TP.HCM với giá trị là 3.536.400.000 đồng;

- Căn nhà số 251/13 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, TP.HCM với giá trị là 5.211.550.000 đồng;

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 324-356 thuộc phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP.HCM với giá trị là 756.000.000 đồng.

(11.5) Vay ngắn hạn từ cá nhân **Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc** theo 02 hợp đồng vay ký ngày 01/01/2009 với lãi suất vay dao động từ 0,9% - 1,1%/tháng. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2009 là 13.987.297 ngàn đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/12/2009	01/01/2009
Phải trả người bán	28.065.195.044	58.785.638.649
Người mua trả tiền trước	1.493.375.489	395.559.594
Cộng	29.558.570.533	59.181.198.243

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2009	01/01/2009
Thuế TNDN phải nộp	26.109.300	9.754.537
Thuế GTGT	286.217.214	57.342.922
Cộng	312.326.514	67.097.459
14. Phải trả khác	31/12/2009	01/01/2009
BHXH, BHYT	169.863.397	-
Tiền vay mượn các cá nhân và tổ chức không lãi suất	7.354.436.400	-
Tiền nhận cọc mua phế phẩm, phế liệu, thuê nhà xưởng	3.328.500.000	3.758.000.000
Các khoản phải trả khác	116.988.879	318.843.503
Cộng	10.969.788.676	4.076.843.503
15. Vay và nợ dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
Vay dài hạn	19.079.000.000	24.002.293.359
Cộng	19.079.000.000	24.002.293.359
Trừ các khoản vay dài hạn đến hạn trả	(15.1) (4.920.000.000)	-
Tổng cộng	14.159.000.000	24.002.293.359

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Số dư vay đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số dư vay cuối năm
Ngân hàng TMCP Công Thương	24.002.293	-	24.002.293	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	20.309.000	1.230.000	19.079.000
Cộng	24.002.293	20.309.000	25.232.293	19.079.000

Vay từ ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 377-09/HĐTĐ-HCM ngày 09/9/2009; hạn mức tín dụng: 20,309 tỷ; thời hạn vay: 04 năm; mục đích vay: Tài trợ khoản vay trung hạn xây kho lạnh cho thuê và khoản vay dài hạn xây dựng nhà xưởng sản xuất theo HĐĐD số 07.0061/HĐĐH ngày 05/4/2007 và HĐĐD số 07.0150/HĐTH ngày 12/11/2007 ký giữa Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát và Ngân hàng Công thương Chi nhánh 8; lãi suất: 10,5%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2009 là 19.079.000.000 đồng. **Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:**

- Nhà xưởng chế biến thủy sản của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát tại lô 25 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 828152828500002 do UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/04/2009. Giá trị tài sản đảm bảo là 21,9 tỷ đồng, chi tiết theo các biên bản định giá ngày 25/7/2009.

- Kho lạnh 3.000 tấn và hệ thống thiết bị lạnh của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 29,340 tỷ đồng, chi tiết theo biên bản định giá tài sản ngày 25/7/2009.

(15.1) Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng, được chia thành 8.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng. Tại ngày 31/12/2009, các cổ đông đăng ký và góp vốn thực tế như sau:

Cổ đông	Vốn đăng ký		Vốn thực góp	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Văn Đạo	500.000	5.000.000.000	1.634.160	16.341.600.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	500.000	5.000.000.000	1.634.160	16.341.600.000
Lê Sơn Tùng	600.000	6.000.000.000	958.101	9.581.010.000
Nhóm cổ đông khác				
Công ty CP Sành sứ Thủy tinh Việt Nam	-	-	1.101.188	11.011.880.000
Lê Thị Liêm	-	-	801.088	8.010.880.000
Cổ đông khác	6.400.000	64.000.000.000	1.871.303	18.713.030.000
Cộng	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	31.287.710.000	18.840.000	-	31.306.550.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(200.900.000)	291.900.000	91.000.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	2.756.137.107	860.597.147	-	3.616.734.254
Lợi nhuận chưa phân phối	1.219.535.770	22.232.668.478	10.804.836.005	12.647.368.243
Cộng	115.062.482.877	23.404.005.625	10.895.836.005	127.570.652.497
Nguồn kinh phí và quỹ khác				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	299.467.577	344.238.858	137.918.800	505.787.635
Tổng cộng	115.361.950.454	23.748.244.483	11.033.754.805	128.076.440.132

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

	Năm 2009	Năm 2008
Trích quỹ đầu tư phát triển	860.597.147	2.756.137.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	344.238.858	465.913.000
Chia cổ tức cho các cổ đông	9.600.000.000	16.835.537.000
Bù đắp các khoản chi khác	-	1.616.000
Cộng	10.804.836.005	20.059.203.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2009	Năm 2008
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	73.340.192.000
Vốn góp tăng trong năm	-	6.659.808.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.600.000.000	16.835.537.000

Cổ phiếu quỹ	Năm 2009	Năm 2008
Số dư đầu năm	(200.900.000)	-
Mua trong năm	(91.000.000)	(200.900.000)
Bán trong năm	291.900.000	-
Số dư cuối năm	-	(200.900.000)
Thặng dư cổ phần	18.840.000	-

<i>c - Cổ phiếu</i>	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	10.090
- Cổ phiếu phổ thông	-	10.090
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	7.989.910
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	7.989.910
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần

Phân loại theo tính chất

	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	484.723.668.167	496.313.085.949
Doanh thu bán hàng - Trong nước	15.730.129.260	62.758.681.522
Doanh thu khác	9.771.819.441	13.704.732.627
Cộng	510.225.616.868	572.776.500.098
Trừ		
Giảm giá hàng bán	(666.039.531)	(1.566.588.472)
Hàng bán bị trả lại	(4.308.010.722)	(2.907.636.621)
Cộng doanh thu thuần	505.251.566.615	568.302.275.005

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2009	Năm 2008
Công ty Cổ phần Gò Đàng	398.849.464.610	418.726.765.806
Công ty TNHH TM Gò Đàng	143.220.557.692	169.786.840.844
Công ty TNHH XNK TS An Phát	56.768.918.975	140.371.033.134
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	2.996.721.169	14.102.404.677
Trừ: Doanh thu bán hàng nội bộ	(96.584.095.831)	(174.684.769.456)
Cộng doanh thu thuần	505.251.566.615	568.302.275.005

2. Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn hàng bán	433.948.664.509	480.080.205.188
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	281.237.600	-
Cộng	434.229.902.109	480.080.205.188

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2009	Năm 2008
Công ty Cổ phần Gò Đàng	358.827.283.222	363.113.889.177
Công ty TNHH TM Gò Đàng	128.215.911.438	145.514.080.391
Công ty TNHH XNK TS An Phát	28.783.343.967	132.711.916.031
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	2.747.459.313	13.425.089.046
Trừ: Giá vốn hàng bán nội bộ	(84.344.095.831)	(174.684.769.456)
Cộng	434.229.902.109	480.080.205.189

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền gửi	1.254.230.009	62.626.765
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.229.675.230	1.726.200.485
Thu nhập tài chính khác	5.217.323	237.799.707
Cộng	6.489.122.562	2.026.626.957

4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí lãi vay	7.981.706.465	10.929.966.030
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.778.173.039	-
Cộng	9.759.879.504	10.929.966.030

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2009	Năm 2008
Công ty Cổ phần Gò Đàng	5.456.024.869	5.521.940.719
Công ty TNHH TM Gò Đàng	1.858.782.044	2.821.311.550
Công ty TNHH XNK TS An Phát	2.388.041.460	2.222.499.686
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	57.031.131	364.214.075
Cộng	9.759.879.504	10.929.966.030

5. Chi phí bán hàng

Phân loại theo tính chất

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí vật liệu, bao bì	2.847.063.928	3.631.319.418
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	28.091.582.848	40.708.057.803
Chi hoa hồng môi giới	1.951.978.913	3.521.413.075
Chi phí bằng tiền khác	2.152.026.119	4.861.232.159
Cộng	35.042.651.808	52.722.022.455

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2009	Năm 2008
Công ty Cổ phần Gò Đàng	21.622.346.769	32.341.230.456
Công ty TNHH TM Gò Đàng	13.278.777.635	19.823.048.093
Công ty TNHH XNK TS An Phát	-	-
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	141.527.404	557.743.906
Cộng	35.042.651.808	52.722.022.455

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phân loại theo tính chất

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí nhân viên quản lý	5.319.548.412	3.617.901.457
Chi phí công cụ dụng cụ	1.410.004.123	1.083.153.906
Chi phí khấu hao TSCĐ	908.259.386	748.628.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.833.377.936	2.756.097.631
Lợi thế thương mại	116.531.406	-
Chi phí bằng tiền khác	1.887.657.056	4.177.610.500
Cộng	11.475.378.319	12.383.392.116

Phân loại theo bộ phận kinh doanh

	Năm 2009	Năm 2008
Công ty Cổ phần Gò Đàng	20.792.325.085	6.297.147.343
Công ty TNHH TM Gò Đàng	2.189.406.203	3.527.063.758
Công ty TNHH XNK TS An Phát	664.685.462	2.280.022.722
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	68.961.568	279.158.293
Trừ: Chi phí quản lý doanh nghiệp nội bộ	(12.240.000.000)	-
Cộng	11.475.378.319	12.383.392.116

7. Thu nhập khác

	Năm 2009	Năm 2008
Thu nhập từ thanh lý tài sản	90.000.000	1.771.343.022
Các khoản cho thuê kho bãi, tiền phạt và các khoản khác	1.833.901.456	3.198.997.986
Cộng	1.923.901.456	4.970.341.008

8. Chi phí khác

	Năm 2009	Năm 2008
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	72.857.140	1.688.805.814
Các khoản chi phí khác	820.963.459	224.217.400
Cộng	893.820.599	1.913.023.214

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.232.668.478	17.211.942.934
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.000.000	7.979.910
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.779	2.157

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VIII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

	Năm 2009	Năm 2008
Trả lãi vay		
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Cổ đông sáng lập	<u>1.734.424.207</u>	<u>1.169.450.251</u>
Chi trả cổ tức		Năm 2009
Ông Nguyễn Văn Đạo - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		1.960.992.000
Ông Lê Sơn Tùng - Thành viên HĐQT kiêm P. Tổng Giám đốc		1.149.721.200
Ông Lê Quang Tuấn - P.Chủ tịch HĐQT kiêm P. Tổng Giám đốc		1.110.933.600
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Cổ đông sáng lập		1.960.992.000
Bà Lê Thị Liêm - Thành viên góp vốn		961.305.600
Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh VN - Thành viên góp vốn		<u>1.321.425.600</u>

Số dư các khoản công nợ đối với các Bên liên quan chủ yếu sau:

	31/12/2009	01/01/2009
Các khoản nợ vay, mượn còn phải trả		
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Cổ đông sáng lập	17.909.281.180	15.487.297.180
Ông Lê Sơn Tùng - P.Chủ tịch HĐQT kiêm P. Tổng Giám đốc	2.111.026.800	900.000.000
Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh VN - Thành viên góp vốn	<u>1.321.425.600</u>	<u>643.077.500</u>

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Quyết định số 177/QĐ-SDGHCM ngày 28/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh 8.000.000 cổ phiếu của Công ty sẽ được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/01/2010. Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

(đã ký)

THÁI THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán trưởng
Ngày 24 tháng 01 năm 2010

(đã ký)

NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		182.547.377.616	195.841.167.681
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.626.039.677	1.863.307.673
1. Tiền	111	V.01	4.626.039.677	1.863.307.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.02	101.419.245.082	93.077.956.647
1. Phải thu khách hàng	131		66.936.934.133	46.728.526.930
2. Trả trước cho người bán	132		3.216.590.154	947.127.275
3. Các khoản phải thu khác	138		31.265.720.795	45.402.302.442
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	71.119.174.787	96.750.158.301
1. Hàng tồn kho	141		71.119.174.787	96.750.158.301
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.382.918.070	4.149.745.060
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	491.823.766	921.822.836
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.692.176.930	1.039.175.161
3. Các khoản thuế phải thu	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.198.917.374	2.188.747.063
B. Tài sản dài hạn	200		93.258.458.439	46.656.819.105
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.514.588.287	32.099.216.305
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	23.680.437.145	17.841.127.319
- Nguyên giá	222		40.736.176.408	30.173.094.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.055.739.263)	(12.331.967.464)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	8.704.490.075	8.591.323.534
- Nguyên giá	228		9.323.535.170	8.623.535.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(619.045.095)	(32.211.636)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	5.129.661.067	5.666.765.452
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		53.558.324.057	13.558.324.057
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	53.558.324.057	13.558.324.057
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.185.546.095	999.278.743
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.185.546.095	999.278.743
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		275.805.836.055	242.497.986.786

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		152.609.914.868	122.413.733.322
I. Nợ ngắn hạn	310		152.609.914.868	122.413.733.322
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	100.077.327.996	64.759.580.388
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	39.098.436.589	51.434.281.269
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	1.275.150.489	395.559.594
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		-	-
5. Phải trả công nhân viên	315		1.324.413.644	989.403.555
6. Chi phí phải trả	316		-	877.317.983
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	10.834.586.150	3.957.590.533
II. Nợ dài hạn	320		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.14	123.195.921.187	120.084.253.464
I. Vốn chủ sở hữu	410		122.690.133.552	119.784.785.887
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.306.550.000	31.287.710.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	(200.900.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.616.734.255	2.756.137.108
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.766.849.297	5.941.838.779
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		505.787.635	299.467.577
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		505.787.635	299.467.577
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		275.805.836.055	242.497.986.786
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - USD			95,573,93	10,637.39
Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - EUR			2,822.89	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(Đã ký)

(Đã ký)

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng	01		402.885.348.512	422.369.195.244
2. Các khoản giảm trừ	03		4.035.883.902	3.642.429.438
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10	VI.15	398.849.464.610	418.726.765.806
4. Giá vốn hàng bán	11		358.827.283.222	363.113.889.177
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		40.022.181.388	55.612.876.629
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	19.848.268.586	6.588.921.392
7. Chi phí tài chính	22	VI.17	5.456.024.869	5.521.940.719
- Trong đó: lãi vay	23		4.960.713.408	5.521.940.719
8. Chi phí bán hàng	24	VI.18	21.622.346.769	32.341.230.456
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.19	20.710.482.625	6.297.147.343
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		12.081.595.711	18.041.479.503
11. Thu nhập khác	31	VI.20	1.151.784.835	2.179.163.942
12. Chi phí khác	32	VI.21	603.534.023	222.250.033
13. Lợi nhuận khác	40		548.250.812	1.956.913.909
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		12.629.846.523	19.998.393.412
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.22	-	-
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59		12.629.846.523	19.998.393.412
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	60	VI.23	1.579	2.503

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(Đã ký)

(Đã ký)

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009
Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	12.629.846.523	19.998.393.412
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.310.605.258	4.158.916.684
Các khoản dự phòng	03	-	(1.912.348.759)
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(16.000.000.000)	(5.661.547.300)
Chi phí lãi vay	06	4.960.713.408	5.521.940.719
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	6.901.165.189	22.105.354.756
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(4.460.515)	(19.780.826.672)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	25.630.983.514	(48.545.007.644)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(12.476.002.462)	39.914.950.235
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(756.268.282)	287.247.835
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.960.713.408)	(5.521.940.719)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(137.918.800)	(166.445.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.196.785.236	(11.706.667.909)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(10.725.977.240)	(11.053.357.133)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	248.674.041
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	(57.122.119.639)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	56.363.928.037
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.000.000.000)	(599.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.000.000.000	5.579.010.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.725.977.240)	(6.582.864.602)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	18.840.000	110.900.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	200.900.000	(200.900.000)
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	379.307.270.028	274.818.620.894
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(343.989.522.420)	(248.325.514.450)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(2.245.563.600)	(10.276.626.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	33.291.924.008	16.126.479.844
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.762.732.004	(2.163.052.667)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.863.307.673	4.026.360.340
Tiền tồn cuối kỳ	70	4.626.039.677	1.863.307.673

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

(Đã ký)

(Đã ký)

THÁI THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán trưởng
Ngày 23 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền		31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt		631.747.744	1.417.428.128
Tiền gửi ngân hàng - VNĐ		2.193.967.786	104.518.261
Tiền gửi ngân hàng - Ngoại tệ		1.800.324.147	341.361.284
Cộng		4.626.039.677	1.863.307.673
2. Các khoản phải thu ngắn hạn		31/12/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng	(2.1)	66.936.934.133	46.728.526.930
Trả trước cho người bán		3.216.590.154	947.127.275
Phải thu khác	(2.2)	31.265.720.795	45.402.302.442
Cộng		101.419.245.082	93.077.956.647
Dự phòng phải thu khó đòi		-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		101.419.245.082	93.077.956.647
(2.1) Trong đó, số dư các khoản phải thu khách hàng bằng ngoại tệ là 137,552.70 EUR và 3,223,095.42 USD tương đương 61.534.384.416 đồng.			
(2.2) Chi tiết các khoản phải thu khác:		31/12/2009	01/01/2009
Phải thu tiền cho mượn đến các Công ty con		13.008.413.214	38.431.781.928
Phải thu tiền hoàn thuế		1.722.219.128	856.436.818
Phải thu ứng trước tiền đất và thi công công trình		5.370.255.000	-
Cổ tức còn phải thu từ Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát		10.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác		1.164.833.453	6.114.083.696
Cộng		31.265.720.795	45.402.302.442
3. Hàng tồn kho		31/12/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu		215.180.302	4.482.912.267
Công cụ, dụng cụ		3.631.301.940	4.265.129.489
Chi phí sản xuất dở dang		29.862.567.889	18.076.680.865
Thành phẩm tồn kho		36.978.462.969	68.382.298.266
Hàng hóa tồn kho		431.661.687	1.543.137.414
Cộng		71.119.174.787	96.750.158.301
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		71.119.174.787	96.750.158.301

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí trả trước ngắn hạn	Năm 2009	Năm 2008
Số đầu năm	921.822.836	1.356.252.717
Phát sinh trong năm	3.088.042.630	2.003.361.861
Kết chuyển chi phí	3.027.170.235	2.437.791.742
Trừ các khoản giảm khác	490.871.465	-
Số cuối năm	491.823.766	921.822.836

Chi phí trả trước ngắn hạn được kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là một năm.

5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Tạm ứng nhân viên	1.103.466.974	2.093.296.663
Ký quỹ thuê mặt bằng (phân xưởng Bình Đức)	95.450.400	95.450.400
Cộng	1.198.917.374	2.188.747.063

6. Tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: Ngàn đồng					
	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	16.074.524	12.110.001	233.321	321.806	1.433.443	30.173.095
Tăng	1.884.568	5.285.092	3.183.562	145.417	64.442	10.563.082
Giảm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	17.959.093	17.395.093	3.416.883	467.223	1.497.885	40.736.176
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu kỳ	5.799.088	5.761.943	18.531	114.417	637.989	12.331.967
Tăng	2.419.749	1.895.937	69.243	70.945	267.898	4.723.772
Giảm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8.218.837	7.657.880	87.774	185.362	905.887	17.055.739
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	10.275.436	6.348.058	214.790	207.389	795.454	17.841.127
Số dư cuối kỳ	9.740.255	9.737.213	3.329.109	281.861	591.998	23.680.437

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm mới.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	8.584.656.870	38.878.300	8.623.535.170
Tăng	700.000.000	-	700.000.000
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.284.656.870	38.878.300	9.323.535.170
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	32.211.636	32.211.636
Tăng	581.833.461	4.999.998	586.833.459
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	581.833.461	37.211.634	619.045.095
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	8.584.656.870	6.666.664	8.591.323.534
Số dư cuối kỳ	8.702.823.409	1.666.666	8.704.490.075

(*) Trong đó, nguyên giá của những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.721.428.258 đồng. Công ty chưa tiến hành trích khấu hao đưa vào chi phí cho những tài sản cố định này kể từ khi mua đến nay.

Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng do mua sắm mới và đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

8. Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2009	01/01/2009
Công trình xây dựng nhà trọ nhân viên	-	1.780.104.591
Công trình khu nuôi cá	2.956.521.892	2.381.752.208
Mua sắm tài sản cố định	(*) 1.768.629.770	1.169.973.770
Các công trình khác	404.509.405	334.934.883
Cộng	5.129.661.067	5.666.765.452

(*) Bao gồm chi phí mua phần mềm quản lý là 579.768.010 đồng và chi phí mua 02 dàn lạnh cùng phụ kiện chất làm lạnh là 1.188.861.760 đồng. Hiện tại các tài sản này vẫn đang được vận hành thử. Công ty dự kiến hoàn tất quá trình chạy thử và kết chuyển sang TSCĐ trong năm 2010.

9. Đầu tư vào công ty con

Tên Công ty	Vốn điều lệ đăng ký	Thời điểm thành lập	Tỷ lệ biểu quyết		Vốn phải góp	Vốn đã góp đến 31/12/2009
			Trực tiếp	Gián tiếp		
Công ty TNHH TM Gò Đàng	3.800.000.000	30/10/1998	99%	1%	3.762.000.000	3.059.324.057
Công ty TNHH XNK TS An Phát	50.000.000.000	25/05/2006	99,8%	0,2%	49.900.000.000	49.900.000.000
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	1.000.000.000	04/10/2005	99%	1%	990.000.000	599.000.000
Cộng	54.800.000.000				54.652.000.000	53.558.324.057

Trong năm 2009, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát là 16.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Chi phí trả trước dài hạn	Năm 2009	Năm 2008
Số đầu năm (01/01)	999.278.743	852.096.697
Phát sinh trong năm	1.510.407.145	261.350.000
Kết chuyển chi phí	324.139.793	114.167.954
Trừ các khoản giảm khác		-
Số cuối năm (31/12)	2.185.546.095	999.278.743

Chi phí trả trước dài hạn vào ngày 31/12/2009, bao gồm:

Tiền thuê đất (*)	638.329.640
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	934.964.578
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	612.251.877
Cộng	2.185.546.095

(*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLD ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m² đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047, tổng giá trị tiền thuê (đã bao gồm thuế VAT) là 50,000.00 USD.

11. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn	100.077.327.996	64.759.580.388
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	100.077.327.996	64.759.580.388

Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	10.249.000	10.249.000	-
NH TMCP Xuất Nhập khẩu VN (11.1)	-	99.876.301	51.280.710	48.595.590
NH TMCP Liên Việt (11.2)	-	47.621.245	20.126.805	27.494.440
NH Ngoại Thương VN (11.3)	-	10.000.000	-	10.000.000
NH Công Thương VN - CN 8	47.729.206	211.560.724	259.289.930	-
Công ty Sành sứ Thủy tinh VN	643.078	-	643.078	-
Nguyễn Thị Thanh Trúc (11.4)	15.487.297	-	1.500.000	13.987.297
Lê Sơn Tùng	900.000	-	900.000	-
Cộng	64.759.580	379.307.270	343.989.522	100.077.328

(11.1) Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu từ **Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình** với lãi suất dao động từ 3,9% - 5%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2009 là USD2,530,376.90 và EUR118,610.50 tương đương 48.595.590 ngàn đồng.

(11.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM** theo hợp đồng tín dụng số 378-09/HĐTD-HCM ngày 08/9/2009; hạn mức vay: 50 tỷ đồng; mục đích vay: tài trợ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công Thương Việt nam - CN8 và bổ sung vốn lưu động; lãi suất vay 10%/năm. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2009 là 27.494.440 ngàn đồng. **Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:**

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Giồng Rôm, tỉnh Bến Tre; quyền thuê đất cùng với nhà xưởng lại Lô 45 KCN Mỹ Tho - Tiền Giang và máy móc thiết bị kho lạnh với tổng giá trị theo định giá của ngân hàng là 16,17 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Một phần giá trị tài sản là nhà xưởng thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát với tổng giá trị theo định giá là 21,9 tỷ đồng.

- Hàng hóa tồn kho thành phẩm trong quá trình luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng là: cá tra fillet thành phẩm; nghêu, sò lông, tôm, mực thành phẩm.

(11.3) Vay theo chương trình hỗ trợ lãi suất của Chính phủ từ **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/CV/0063/TD2/09LD ngày 13/7/2009. Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng; lãi suất vay 10,5%/năm, lãi suất được hỗ trợ 4%/năm. Các khoản hỗ trợ về lãi suất sẽ kết thúc vào ngày 31/12/2009. Số dư tại ngày 31/12/2009 là 10 tỷ đồng.

(11.4) Vay ngắn hạn từ cá nhân **Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc** theo 02 hợp đồng vay ký ngày 01/01/2009 với lãi suất vay dao động từ 0,9% - 1,1%/tháng. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2009 là 13.987.297 ngàn đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

	31/12/2009	01/01/2009
12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		
Phải trả người bán	39.098.436.589	51.434.281.269
Người mua trả tiền trước	1.275.150.489	395.559.594
Cộng	40.373.587.078	51.829.840.863
13. Phải trả khác		
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	126.349.739	-
Các khoản vay, mượn cá nhân và tổ chức không lãi suất	7.354.436.400	-
Tiền nhận đặt cọc mua phế phẩm, phế liệu	3.258.500.000	3.640.000.000
Các khoản phải trả khác	95.300.011	317.590.533
Cộng	10.834.586.150	3.957.590.533

14. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng, được chia thành 8.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng. Tại ngày 31/12/2009, các cổ đông đăng ký và góp vốn như sau:

Cổ đông	Vốn đăng ký		Vốn góp thực tế	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Văn Đạo	500.000	5.000.000.000	1.634.160	16.341.600.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	500.000	5.000.000.000	1.634.160	16.341.600.000
Lê Sơn Tùng	600.000	6.000.000.000	958.101	9.581.010.000
Nhóm cổ đông khác				
Công ty CP Sản xuất Thủy tinh Việt Nam	-	-	1.101.188	11.011.880.000
Lê Thị Liêm	-	-	801.088	8.010.880.000
Các cổ đông khác	6.400.000	64.000.000.000	1.871.303	18.713.030.000
Cộng	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	31.287.710.000	18.840.000	-	31.306.550.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(200.900.000)	291.900.000	91.000.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	2.756.137.108	860.597.147	-	3.616.734.255
Lợi nhuận chưa phân phối	5.941.838.779	12.629.846.523	10.804.836.005	7.766.849.297
Cộng	119.784.785.887	13.801.183.670	10.895.836.005	122.690.133.552
Nguồn kinh phí và quỹ khác				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	299.467.577	344.238.858	137.918.800	505.787.635
Tổng cộng	120.084.253.464	14.145.422.528	11.033.754.805	123.195.921.187

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

	Năm 2009	Năm 2008
Trích quỹ dự phòng tài chính	860.597.147	2.756.137.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	344.238.858	465.913.000
Chia cổ tức cho các cổ đông	9.600.000.000	16.835.537.000
Bù đắp các khoản chi khác	-	1.616.000
Cộng	10.804.836.005	20.059.203.000

b - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2009	Năm 2008
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	73.340.192.000
Vốn góp tăng trong năm	-	6.659.808.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.600.000.000	16.835.537.000

Cổ phiếu quỹ

	Năm 2009	Năm 2008
Số dư đầu năm	(200.900.000)	-
Mua trong năm	(91.000.000)	(200.900.000)
Bán trong năm	291.900.000	-
Số dư cuối năm	-	(200.900.000)
Thặng dư cổ phần	18.840.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>c - Cổ phiếu</i>	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	10.090
- Cổ phiếu phổ thông	-	10.090
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	7.989.910
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	7.989.910
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

15. Doanh thu	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	346.812.988.931	339.945.865.541
Doanh thu bán hàng - Trong nước	46.483.084.713	75.248.815.338
Doanh thu gia công và doanh thu khác	9.589.274.868	7.174.514.365
Cộng	402.885.348.512	422.369.195.244
Trừ		
Giảm giá hàng bán	(666.039.531)	(1.046.658.672)
Hàng bán bị trả lại	(3.369.844.371)	(2.595.770.766)
Cộng doanh thu thuần	398.849.464.610	418.726.765.806
16. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.240.718.684	5.604.913.348
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.602.373.244	982.958.533
Cổ tức được chia	16.000.000.000	-
Thu nhập tài chính khác	5.176.658	1.049.511
Cộng	19.848.268.586	6.588.921.392
17. Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí lãi vay	4.960.713.408	5.521.940.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá	495.311.461	-
Cộng	5.456.024.869	5.521.940.719
18. Chi phí bán hàng	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí vật liệu, bao bì	-	22.337.000
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	21.065.407.645	29.017.293.488
Chi hoa hồng môi giới	334.166.811	2.130.910.289
Chi phí bằng tiền khác	222.772.313	1.170.689.679
Cộng	21.622.346.769	32.341.230.456

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2009	Năm 2008
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4.128.518.408	1.500.619.623
Chi phí công cụ dụng cụ	1.145.634.288	687.862.115
Chi phí khấu hao TSCĐ	532.703.177	63.816.629
Chi phí thuê kho	12.240.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.146.142.412	1.771.227.614
Chi phí bằng tiền khác	1.517.484.340	2.273.621.362
Cộng	20.710.482.625	6.297.147.343
20. Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	-	248.674.041
Thu bán phế liệu	361.095.590	-
Thu nhập khác	790.689.245	1.930.489.901
Cộng	1.151.784.835	2.179.163.942
21. Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản cố định	-	166.136.833
Chi phí không có hoá đơn chứng từ	603.534.023	56.113.200
Cộng	603.534.023	222.250.033
22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.629.846.523	19.998.393.412
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(16.000.000.000)	-
Các khoản không được khấu trừ	836.816.033	56.113.200
Các khoản chưa được khấu trừ	-	-
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	(2.533.337.444)	20.054.506.612
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Thuế TNDN hiện hành	-	3.008.175.992
Thuế TNDN được miễn/giảm	-	3.008.175.992
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.629.846.523	19.998.393.412
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.000.000	7.989.910
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - PHỤ LỤC BCTC	1.579	55 2.503

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các Bên liên quan chủ yếu sau:

	Năm 2009	Năm 2008
Bán hàng cho		
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	33.306.942.281	25.548.876.386
Công ty TNHH XNK TS An Phát	-	11.465.572.969
Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	2.738.576.330	7.587.530.026
Mua hàng từ		
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	3.930.006.574	5.458.793.506
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát (phí lưu kho, gia công)	56.608.570.646	133.036.555.040
Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	-	208.302.286
Cho vay, cho mượn		
Công ty TNHH TMTS Việt Đức	-	6.009.594.400
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	50.977.626.810	51.112.525.239
Thu lãi cho vay		
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	-	180.000.000
Công ty TNHH TMTS An Phát	-	5.295.399.914
Công ty TNHH TMTS Việt Đức	-	103.610.178
Trả lãi vay		
Trả lãi vay cho cổ đông - Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	1.734.424.207	1.169.450.251
Nhận cổ tức		
Công ty TNHH TMTS An Phát	16.000.000.000	-
Chi trả cổ tức		
Ông Nguyễn Văn Đạo - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.960.992.000	-
Ông Lê Sơn Tùng - Thành viên HĐQT kiêm P. Tổng Giám đốc	1.149.721.200	-
Ông Lê Quang Tuấn - P. Chủ tịch HĐQT kiêm P. Tổng Giám đốc	1.110.933.600	-

Các khoản công nợ với các Bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2009	01/01/2009
Phải thu bán hàng		
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	3.290.950.197	7.041.812.239
Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	1.363.369.328	1.246.146.649
Phải thu khác		
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	4.100.000.000	2.100.000.000
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	18.908.413.214	36.327.604.528
Công ty TNHH TMTS Việt Đức	-	4.177.400

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan (tiếp theo)

Phải trả nợ vay

Vay cổ đông - Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	13.987.297.180	15.487.297.180
Vay cổ đông - Ông Lê Sơn Tùng	-	900.000.000

Phải trả mua hàng

Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	3.555.435.138	-
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	16.339.999.182	2.633.953.639

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Quyết định số 177/QĐ-SDGHCM ngày 28/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh 8.000.000 cổ phiếu của Công ty sẽ được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/01/2010. Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

(Đã ký)

(Đã ký)

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

Số: 132/CA&A-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Gò Đàng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gò Đàng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Gò Đàng ("Công ty") và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, được lập ngày 24 tháng 01 năm 2010, từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gò Đàng và các Công ty con tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp

Trang 3/27

nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A
Tp. HCM, ngày 24 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Văn Tuyên
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0111/KTV

